

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2018.

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến.

2. Ông Trần Thanh Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Khôi – Thư ký Tòa án tỉnh Bắc Giang.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2018/QĐ-ST ngày 18/5/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số : 04/2018/QĐ-ST ngày 18/6/2018 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 215/2018/TB-TA ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Huy D Sinh năm 1962 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Số A phố NT, phường NT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại nước ngoài.

Ông Phạm Huy D ủy quyền cho ông Ngô Quý Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn AL, xã YM, huyện LG, tỉnh BG, nhận và nộp các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho mình, giấy ủy quyền có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Séc.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L Sinh năm 1968 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn AL, xã YM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ông Phạm Huy D là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã YM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sang Cộng hòa Séc sinh sống và làm việc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Cuối năm 2016 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân: do bất đồng quan điểm sống. Kể từ đó bà L quay về Việt Nam sinh sống và không trở lại Séc sinh sống cùng ông. Từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa, ai có cuộc sống riêng của người đó, không ai chủ động liên lạc để hỏi thăm tình hình sức khỏe và cuộc sống của nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy ông làm đơn khởi kiện xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Phạm Thị L.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị L là bị đơn trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã YM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sang Cộng hòa Séc sinh sống và làm việc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Nhưng từ cuối năm 2016 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân: do bất đồng quan điểm sống. Kể từ đó bà quay về Việt Nam sinh sống và không trở lại Séc sinh sống cùng ông D. Từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa, ai có cuộc sống riêng của người đó, không ai chủ động liên lạc để hỏi thăm tình hình sức khỏe và cuộc sống của nhau. Nay bà cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy ông D làm đơn khởi kiện xin ly hôn bà gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bà đồng ý. Bà đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông D xử cho bà và ông D ly hôn nhau.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Phạm Huy D và bà Phạm Thị L đều xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã công bố các bản tự khai của ông D, bà L có trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Huy D và bà Phạm Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông D, bà L.

[2]. Về thẩm quyền: Ông D hiện đang cư trú tại Cộng hòa Séc. Bà L có hộ khẩu thường trú tại Bắc Giang. Như vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà L có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã YM, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của ông D với bà L: Ông D và bà L đều xác định vợ chồng đã ly thân nhau từ cuối năm 2016 đến nay. Hai bên vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn chung sống cùng nhau nữa. Ông D, bà L đều thống nhất ly hôn nhau. Vì vậy cần xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho ông D và bà L được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Ông D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phạm Huy D được ly hôn bà Phạm Thị L.

2. *Về án phí:* Ông Phạm Huy D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn

đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/000587 ngày 18/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận ông D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị L hiện đang ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết. Ông Phạm Huy D hiện đang cư trú tại nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã YM, huyện LG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TT Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Quốc Hùng